

Bản án số: 522/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền

2/ Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Song C, sinh ngày 30/8/1962; Căn cước công dân số 038060211235 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/4/2021.

Địa chỉ: số 4D HP, phường HP (Phường G cũ) Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh ngày 05/5/1985; Căn cước công dân số 034185003267 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/02/2016.

Địa chỉ: số 4D HP, phường HP (Phường G cũ) Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Vũ Song C trình bày: Ông và bà Bùi Thị H chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Phường G (nay là phường HP), Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019. Thời gian đầu cuộc sống chung không phát sinh nhiều vấn đề nhưng đến tháng 5 năm 2022 thì nhiều mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng không còn quan điểm chung, cách sống không hòa hợp nhiều vấn đề trong hôn nhân. Quá trình chung sống, dù ông đã nhiều lần cố gắng hoà giải nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị H.

- Về con chung: Ông C và bà H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống ông và bà H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà Bùi Thị H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của ông C nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - ông Vũ Song C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – bà Bùi Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Vũ Song C và bà Bùi Thị H có đăng ký kết hôn, ông C yêu cầu ly hôn với bà H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn là bà Bùi Thị H đang cư trú tại Quận H (Theo kết quả xác minh của Công an phường HP (Phường G cũ), Quận H) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Vũ Song C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông C.

Bị đơn bà Bùi Thị H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân Phường G (nay là phường HP), Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2019, cùng lời khai của ông C về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông C và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông C: Trong quá trình chung sống, ông C và bà H xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về văn hóa, quan điểm cá nhân; cách biệt về độ tuổi nên tâm sinh lý, thái độ và hành vi ứng xử không hòa hợp; bà H áp đặt mối quan hệ không bình đẳng về việc xây dựng gia đình, sinh con, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ông C đã nhiều lần cùng bà H trao đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau, việc ăn ngủ, sinh hoạt riêng biệt. Ông C xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Ông C và bà H đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã cho bà H và ông C thời gian để các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, ông C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà H. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông C xác định ông và bà H không có con chung nên Hội

đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông C phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Song C về việc xin ly hôn với bà Bùi Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Song C được ly hôn với bà Bùi Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2019 của Ủy ban nhân dân Phường G (nay là Phường HP), Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Ông C và bà H không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Vũ Song C phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0030539 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Song C, bà Bùi Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND phường HP, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga